

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2022.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà G, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng S, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: 81-75. Geombiwi –Stress, I Pjang – Ward, Seobuk-Town, Cheonan – district, Chungcheongnam-Province, Hàn Quốc.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm: 1986

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Làng S, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Hà G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tháng 11 năm 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khác biệt về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, mối quan hệ với gia đình nội ngoại và bạn bè. Đến tháng 10/2018 chị G sang Hàn Quốc lao động xuất khẩu, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên càng ngày càng ít liên lạc, quan tâm đến nhau hơn. Chị G xác định tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và có nguyện vọng được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị và anh H có 01 con chung là Hà Minh T, sinh ngày 13/8/2012. Hiện cháu T đang sinh sống cùng ông bà ngoại tại tổ dân phố Làng S, phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn vợ chồng có thoả thuận quyền nuôi con thuộc về chị G, trong thời gian chị G đang ở Hàn Quốc, cháu T sẽ sinh sống cùng ông bà ngoại. Về cấp dưỡng chị G yêu cầu được tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Văn H trình bày:* Anh xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị G. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian đầu chung sống vui vẻ hạnh phúc nhưng do vợ chồng hiện nay xa cách nhau, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa do vậy tình cảm vợ chồng không còn. Chị G có nguyện vọng được ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị G đã khai là đúng. Cháu là Hà Minh T, sinh năm 2012. Vì hiện nay chị G không ở Việt Nam, nên khi ly hôn anh sẽ trực tiếp nuôi con chung. Đến khi chị G về nước anh chị sẽ thoả thuận để chị G trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng: Chị G và anh tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh H xác định không có, không đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn anh H. Con chung: Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Minh T, sinh ngày 13/8/2012. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh H do chị G không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang ở Hàn Quốc, có địa chỉ cụ thể tại 81-75. Geombiwi –Stress, I Pjang – Ward, Seobuk-Town, Cheonan – district, Chungcheongnam-Province, Hàn Quốc và có xác nhận của lãnh sự quán của Việt Nam tại Hàn Quốc. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ở nước ngoài xin vắng mặt. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn, bị đơn đã gửi đầy đủ các văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án cho của Tòa án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị Hà G và anh Hà Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ khi chị G đi lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng không còn giữ liên lạc và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn H. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với Chị G.

Hội đồng xét xử thấy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà G, cho chị G được ly hôn anh Hà Văn H là phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị G và anh H có 01 con chung là Hà Minh T, sinh ngày 13/8/2012. Chị G hiện nay đang ở nước ngoài. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là cháu Hà Minh T, sinh ngày 13/8/2012 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam. Khi chị G về Việt Nam anh chị có thể thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị G vì anh H không yêu cầu.

Chị G có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết. Phía anh H cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Chị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà G đối với anh Hà Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà G được ly hôn với anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Hà Minh T, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Hà Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị G do anh H không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hà G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000062 ngày 30/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị G được quyền kháng cáo trong hạn một tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hồng Phương**